

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG, TIỀM NĂNG KHAI THÁC VÀ BẢO TỒN NGUỒN TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC VÙNG BẢY NÚI, AN GIANG

Lê Thị Thu Sương, Võ Quang Minh, Phan Hoàng Vũ
Trường Đại học Cần Thơ

Bảy Núi, An Giang (thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn) là vùng đất chủ yếu trồng rừng. Nơi đây có thảm thực vật phong phú, trong đó nguồn tài nguyên về cây thuốc rất đa dạng với nhiều loại dược liệu quý hiếm khác nhau. Tuy nhiên, hiện rừng Bảy Núi đang chịu áp lực lớn như nhận thức về bảo vệ rừng và bảo vệ hệ sinh thái rừng còn chưa được quan tâm đúng mức, hoạt động đều ở dạng khai thác tài nguyên hiện có là chính, việc bù đắp lại hầu như rất hạn chế. Nhu cầu đời sống ngày càng tăng trong đó có nhu cầu về sử dụng cây thuốc để chữa bệnh ngày càng nhiều, cây thuốc bị đào bới, khai thác dưới nhiều hình thức làm cho tài nguyên cây thuốc ngày càng giảm và một số loài có nguy cơ tuyệt chủng. Do vậy, đề tài “*Đánh giá thực trạng và tiềm năng khai thác, bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc ở vùng Bảy Núi, An Giang*” nhằm đánh giá thực trạng, tiềm năng nguồn dược liệu tại Bảy Núi, An Giang, các loài cây có giá trị làm thuốc, các loài cây bị đe dọa cạn kiệt do người dân địa phương khai thác và sử dụng quá mức. Nghiên cứu thành phần, dạng sống, công dụng chữa bệnh và giá trị kinh tế của chúng. Lập hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về cây dược liệu vùng phục vụ cho công tác quản lý và nghiên cứu khoa học. Đồng thời đề xuất hướng bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn dược liệu vùng.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập số liệu thứ cấp: thông tin về điều kiện kinh tế - xã hội và tài nguyên rừng, bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng rừng của vùng Bảy Núi được thu thập tại Chi cục Kiểm lâm An Giang, Hạt Kiểm lâm Tịnh Biên, Hạt Kiểm lâm Tri Tôn.

Phương pháp khảo sát thực địa: dựa vào các thông tin thứ cấp, bốn tuyến khảo sát chính được xác định: (1) Tuyến Núi Cấm: xã An Hào; (2) Tuyến An Phú: xã An Phú; (3) Tuyến Núi Dài: thị trấn Ba Chúc, xã Lương Phi, Lê Trì; (4) Tuyến Núi Cô Tô: xã Núi Tô. Chuyên gia thu hái thuốc địa phương cùng tham gia khảo sát nhằm xác định chính xác các khu vực phân bố cây dược liệu.

Phương pháp thu mẫu: Thu mẫu và xử lý mẫu vật theo “Các phương pháp nghiên cứu thực vật” của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), hình ảnh từng cây dược liệu được ghi lại gồm toàn cảnh nơi mọc, toàn cây (nếu được) và các bộ phận làm thuốc. Thông tin cây thuốc được ghi vào phiếu điều tra thực vật và lưu trong file excel.

Phương pháp định danh: Phương pháp hình thái so sánh và tham khảo các sách chuyên khảo của Võ Văn Chi (1991), Đỗ Tất Lợi (2000), Phạm Hoàng Hộ (2003),... được sử dụng cho việc định tên khoa học và lập danh lục cây thuốc.

Phương pháp phỏng vấn: phỏng vấn 60 phiếu chia đều cho ba nhóm đối tượng: thầy thuốc đông y, cơ sở kinh doanh thuốc đông y và người thu hái thuốc. Nội dung phỏng vấn về thực trạng khai thác và sử dụng cây dược liệu tại địa phương.

Phương pháp phân tích số liệu: thống kê mô tả được thực hiện trên phần mềm Microsoft Excel bao gồm: giá trị trung bình, giá trị cao nhất, giá trị thấp nhất, chia nhóm đối tượng, phần trăm.

Phương pháp phân tích: Sau khi đã định danh được tất cả các loài cây dược liệu thu thập được, phân loại chúng theo từng nhóm khác nhau: theo dạng sống, theo môi trường sống, theo

bộ phận sử dụng (nhóm cây có lá, hoặc thân, rễ hay hoa thường sử dụng làm thuốc), theo công dụng (nhóm cây có công dụng chữa bệnh tiểu đường, gan, an thần...), theo mức độ quý hiếm. Từ đó đề xuất loài nào có thể khai thác, loài nào trên thị trường đã có nhưng nguồn cung không đủ nhu cầu và cần trồng thêm, loài nào có công dụng chữa bệnh tốt nhưng trên thị trường chưa phổ biến, loài nào quý hiếm cần bảo tồn.

Phương pháp GIS: Tất cả các thông tin, dữ liệu liên quan đến cây thuốc thu thập được từ thực địa sẽ được quản lý bởi phần mềm Mapinfo. Cơ sở dữ liệu không gian giúp xây dựng bản đồ vị trí phân bố. Dữ liệu thuộc tính giúp ta nắm bắt rõ ràng hơn đặc tính của đối tượng nghiên cứu. Dữ liệu thuộc tính trong Mapinfo được lưu trữ ở dạng bảng, gồm các thông tin sau: Ten_thuc_vat, Ten_khoa_hoc, Ho_thuc_vat, Mo_ta, Noi_song, Bo_phan_dung, Tinh_chat_tac_dung, Cong_dung.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Thực trạng khai thác, sử dụng cây thuốc tại Bảy Núi, An Giang

Cây thuốc An Giang không chỉ được người dân tại địa phương mà còn ở các tỉnh khác rất ưa chuộng bởi dược tính cao, chữa được các bệnh hiểm nghèo và không có nguy cơ bị ô nhiễm (Nguyễn Đức Thắng, 2008). Qua kết quả khảo sát cho thấy bình quân mỗi cơ sở một tháng phát ra hơn 2.000 thang thuốc (tương đương trên 400kg nguyên liệu). Mỗi năm, các công ty dược đóng trên địa bàn 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên nói riêng và các Trung tâm Đông y của tỉnh nói chung cần khoảng 180 tấn dược liệu với 56 loài cây thuốc, trong đó, tại An Giang có khoảng 50 loài (Nguyễn Đức Thắng, 2008). Ngoài ra, cây thuốc Bảy Núi còn được lưu thông ra thị trường ngoài tỉnh. Một số tỉnh khác đổ về thu mua dược liệu nơi đây như Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Sóc Trăng...

Dược liệu chủ yếu do người địa phương và các nhà làm từ thiện từ các tỉnh lân cận thu hái. Đa phần dân địa phương thường bán thô cho các cơ sở thu mua tại thị trấn Nhà Bàng, một số được bày bán trong nhà người hái thuốc hoặc bán dọc theo các tuyến đường có địa điểm du lịch. Do khai thác quá mức nên nguồn tài nguyên cây thuốc trong vùng nhiều năm gần đây bị suy giảm đáng kể. Nguồn thuốc cung không đủ cầu nên gần đây, thuốc phổ núi còn được đem về từ Campuchia, một số được nhập từ các địa phương lân cận như Hà Tiên, Phú Quốc. Những loài thường nhập là Bý kỳ nam (*Hydnophytum formicarum*), Đương quy (*Angelica sinensis*), Xuyên khung (*Ligusticum striatum*), Bạch chỉ (*Angelica dahurica*).

Các loài cây thuốc được sử dụng nhiều nhất tại địa phương là: Hà thủ ô (*Streptocaulon juvenas*), Cà dâm (*Anogeissus acuminata*), Cam thảo dây (*Abrus precatorius*), Chân chim leo (*Schefflera elliptica*), Diệp hạ châu (*Phyllanthus urinaria*), Đinh lăng (*Polyscias fruticosa*), Đỗ trọng dây (*Parameria laevigata*), Kim cang (*Smilax cambodiana*), Ngũ gia bì chân chim (*Schefflera octophylla*), Sa nhân (*Amomum repens*), Dừa cạn (*Catharanthus roseus*)...

Trong tổng số 60 phiếu phỏng vấn phát ra, có 52/60 phiếu có ý kiến cần bảo tồn cây thuốc địa phương. Trong đó: Người hái thuốc: 15/20; chủ cửa hàng thuốc và các cơ sở đông y tại địa phương: 17/20; thầy thuốc địa phương: 20/20. Đa số người dân đều nhận thức được với mức độ khai thác như hiện nay, nhiều cây thuốc trong vùng sẽ bị tuyệt chủng. Hiện tại mức độ quý hiếm của một số loài đã được thể hiện rất rõ tại vùng như: Gõ mật, tắc kè đá, giáng hương, hoàng đằng, kim cang, bí kỳ nam... tuy nhiên việc khai thác quá mức và tràn lan vẫn diễn ra vì đời sống kinh tế người dân còn khó khăn, nhiều người sống bằng nghề hái thuốc là thu nhập chính. Do đó cần có biện pháp cải thiện đời sống cho nhân dân, thực hiện nghiêm túc chính sách xóa đói giảm nghèo, từ đó hạn chế việc khai thác triệt để các sản phẩm từ rừng, phục hồi và phát triển một số loài đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa.

Trước thực trạng khai thác quá mức và mua bán dược liệu thô như trên, tỉnh An Giang đã có nhiều chính sách phát triển và bảo tồn dược liệu địa phương. Tỉnh đã triển khai nhiều chính sách, chú trọng đầu tư phát triển bền vững trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao trong việc trồng và chế biến dược liệu. Kêu gọi sự đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau. Việc hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu tại địa phương có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm cây dược liệu của tỉnh nói chung và 2 huyện Tịnh Biên - Tri Tôn nói riêng, nhất là thực hiện chủ trương bảo tồn và phát triển dược liệu theo quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, việc gắn kết doanh nghiệp với vùng nguyên liệu dược liệu sẽ giúp việc tiêu thụ sản phẩm ổn định, nâng cao đời sống người dân vùng núi tại 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Hiện trạng và tiềm năng nguồn tài nguyên cây thuốc tại Bảy Núi, An Giang

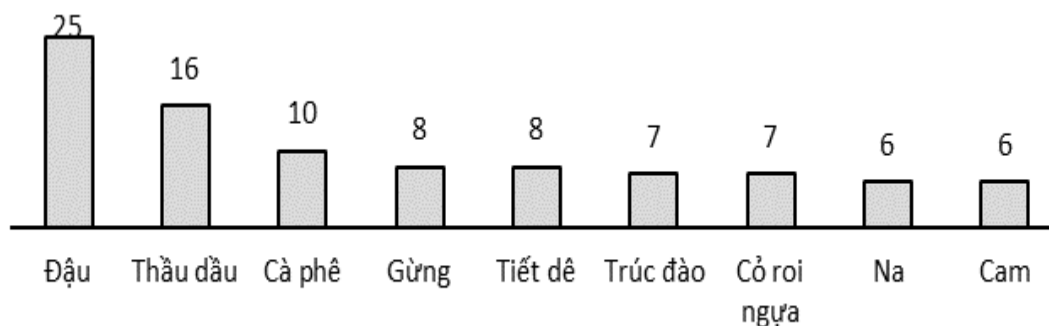
a. Sự đa dạng về thành phần loài cây thuốc

Kết quả khảo sát có 226 loài, 79 họ, 3 ngành thực vật được sử dụng làm thuốc. Đa số các taxon đều tập trung ở ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 74 họ (chiếm 93,67%), 216 loài (chiếm 95,58%). Ngành Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Thông (Pinophyta) chiếm tỉ lệ thấp (Bảng 1). Trong 79 họ được sử dụng làm thuốc, có 9 họ giàu loài. Họ Đậu (Fabaceae) có số lượng loài dùng để làm thuốc nhiều nhất với 25 loài, chiếm 11,06 % trong tổng số loài cây thuốc khảo sát (Hình 1Hình).

Bảng 1

Sự phân bố các loài cây thuốc trong các ngành thực vật

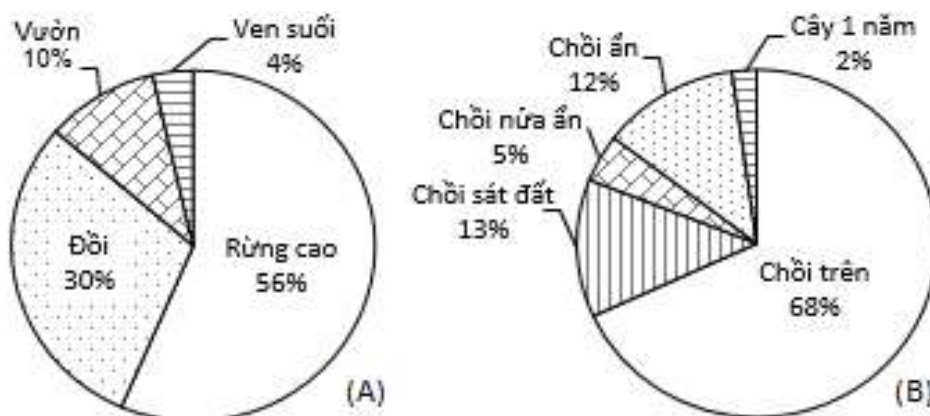
T	Ngành thực vật	Số họ	Tỷ lệ %	Số loài	Tỷ lệ %
1	Ngành Thông (Pinophyta)	1	1,27	1	0,44
2	Ngành Dương xỉ (Pteridophyta)	4	5,06	9	3,98
3	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	74	93,67	216	95,58
	<i>Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)</i>	64	81,01	196	86,73
	<i>Lớp Hành (Liliopsida)</i>	10	12,66	20	8,85
Tổng số:		79	100	226	100



Hình 1: Họ thực vật giàu loài thuốc

b. Sự đa dạng và tiềm năng khai thác cây thuốc vùng Bảy Núi

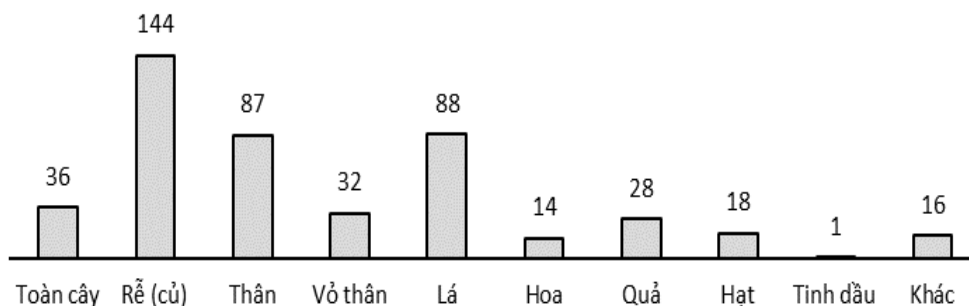
Đa dạng về môi trường sống: cây thuốc phân bố khắp nơi trong vùng Bảy Núi, ở các độ cao khác nhau từ triền đồng bằng đến đỉnh núi (~700 m). Cây thuốc chủ yếu sống hoang trong tự nhiên, bao gồm: rừng cao, đồi và ven suối. Chỉ có 28 loài cây thuốc (10%) sống ở vườn (Hình 2-A). Cây thuốc được người dân trồng trong vườn hầu hết là những cây thuốc thông dụng hoặc đặc trưng của vùng.



Hình 2: Phân bố cây thuốc theo môi trường sống (A) và dạng sống (B)

Đa dạng về dạng sống: thực vật làm thuốc vùng Bảy Núi rất phong phú về phổ dạng sống, thể hiện qua sự phân bố của chúng ở hầu hết các dạng sống. Trong đó, nhóm cây chồi trên chiếm ưu thế với 154 loài (chiếm 68%); nhóm cây 1 năm ít được tìm thấy nhất, với 5 loài (chiếm 2%) (Hình 2-B).

Đa dạng về bộ phận sử dụng: rễ cây được sử dụng nhiều nhất (Hình 3), đây là bộ phận có nhiều công dụng trong các bài thuốc, có thể sử dụng ở dạng tươi hoặc khô. Tuy nhiên, khi lấy rễ cây sẽ làm chết hoặc giảm khả năng sinh trưởng của cây. Theo kết quả phỏng vấn, trường hợp có thể thay thế rễ bằng thân cây trong các bài thuốc, các thầy thuốc đông y sẽ ưu tiên dùng thân cây. Lá là bộ phận có nhiều cách chế biến nhất, có thể được dùng để đun nước tắm hoặc giã đắp, ngoài ra còn được thái nhỏ phơi khô để sử dụng lâu dài. Thân cây thường được dùng kết hợp trong thang thuốc, cũng có thể được sử dụng để ngâm rượu uống, hoặc xoa bóp. Nhóm bộ phận hoa và hạt được sử dụng ít do hoa và hạt chỉ có theo mùa, số lượng không nhiều.

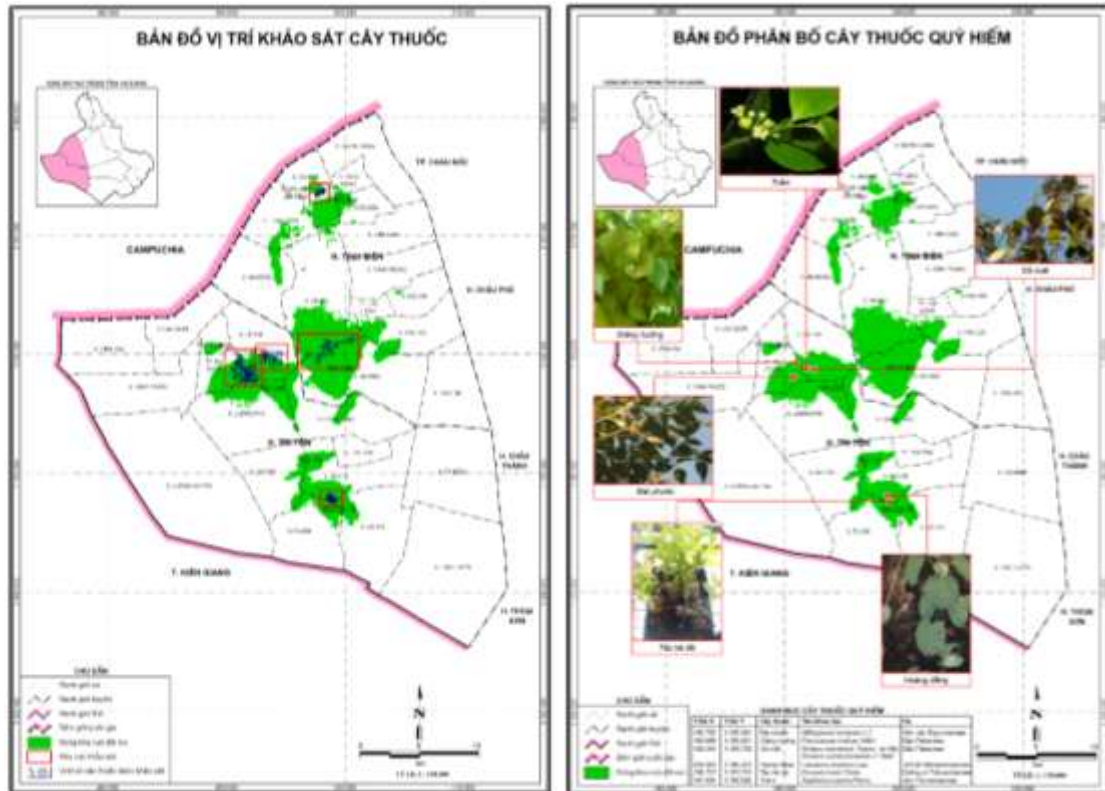


Hình 3: Số lượng cây được liệu dùng làm thuốc theo bộ phận

Đa dạng về công dụng làm thuốc: dựa vào tính chất, tác dụng của từng loại chia được 33 nhóm công dụng. Nhóm có công dụng trị thấp khớp chiếm tỷ lệ nhiều nhất (16,37%) gồm 37 loài. Nhóm có công dụng trợ tim chiếm tỷ lệ thấp nhất 0,44% gồm 1 loài là ngải tượng (*Stephania rotunda* Lour.)

c. Các loài thuốc quý cần bảo tồn tại vùng Bảy Núi

Kết quả khảo sát ghi nhận có 6 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) hoặc Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (Hình 4, Bảng 2).



Hình 4: Bản đồ vị trí khảo sát cây thuốc và bản đồ phân bố cây thuốc quý hiếm

Bảng 2

Danh sách những loài quý hiếm tại Bảy Núi

TT	Tên thực vật	Tên khoa học	Hiện trạng bảo tồn	
			SDVN	32/NĐ-CP
1	Đạt phước	<i>Millingtonia hortensis</i> L.f.	VU	
2	Giáng hương	<i>Pterocarpus indicus</i> Willd.	VU	
3	Gỗ mật	<i>Sindora siamensis</i> Teysm. ex Miq	VU	
4	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.		IIA
5	Tắc kè đá	<i>Drynaria bonii</i> Christ.	VU	
6	Trâm hương	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre.	EN	

Ghi chú: SDVN: Sách Đỏ Việt Nam, phần II Thực vật, EN - Endangered - Nguy cấp, VU - Vulnerable - Sắp nguy cấp. 32/NĐ-CP: Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, Nhóm IIA: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

3. Đề xuất bảo tồn cây thuốc tại vùng Bảy Núi, An Giang

Kết quả điều tra các nhóm đối tượng liên quan cho thấy, ý kiến đề xuất và quan điểm về bảo tồn cây thuốc địa phương rất cao, chiếm 87% tổng số ý kiến. Trong đó ý kiến bảo tồn cây dược liệu của thầy thuốc địa phương là 100%. Tuy nhiên, để thực hiện tốt công tác này, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng:
- + Đẩy mạnh thực hiện chiến lược Quy hoạch, bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 đã được tỉnh phê duyệt (UBND tỉnh An Giang, 2014).
- + Xây dựng vườn thuốc nam ở hộ gia đình, các thầy thuốc và cơ sở y tế tại. Ngoài việc trồng những loại có giá trị cao về dược tính lẫn kinh tế có thể khuyến cáo trồng những loài quý hiếm, nhằm bảo tồn những nguồn gen cây thuốc quý.
- Xây dựng quy ước khai thác cây thuốc tự nhiên hợp lý, chú ý đến việc tái sinh.
- Xây dựng các mô hình canh tác nông nghiệp kết hợp với trồng cây dược liệu giúp người nông dân xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế.

III. KẾT LUẬN

Cây dược liệu vùng Bảy Núi, An Giang rất phong phú và đa dạng, nhiều công dụng chữa bệnh với 226 loài, thuộc 79 họ, 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Thông (Pinophyta), ngành Dương xỉ (Pteridophyta) và ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, có 6 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007).

Công tác bảo tồn dược liệu tại Bảy Núi, An Giang chưa được chú trọng. Chủ yếu tập trung phát triển các loài cây thuốc có giá trị kinh tế và nhu cầu thị trường cao. Chưa quan tâm đến những loài quý hiếm và những cây thuốc đặc thù của vùng.

Cần có biện pháp khai thác và bảo tồn cây dược liệu vùng Bảy Núi thích hợp. Một số đề xuất được nêu ra như: khai thác hợp lý, chú ý đến việc tái sinh; xây dựng phương án, giúp người nông dân xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế; *bảo vệ môi trường sống tự nhiên của cây thuốc rừng*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**, 2006. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP, ngày 30/3/2006 của Chính Phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
2. **Đỗ Tất Lợi**, 2000. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.
3. **Nguyễn Đức Thắng**, 2008. Đa dạng sinh học vùng rừng Bảy Núi, An Giang, web: http://www.kiemlam.org.vn/Desktop.aspx/List/So_1_2_nam_2008/Da_dang_sinh_thai_rung_vung_bay_nui_An_Giang/, truy cập ngày 12/12/2016.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 2003. *Cây cỏ Việt Nam. Tập I-III*, Nhà xuất bản Trẻ TP.HCM.

6. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang, 2014. Quyết định Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Số 2015/QĐ-UBND, ngày 4 tháng 12 năm 2014.
7. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam, Phần II-Thực vật*, NXB. Khoa học TN & CN, Hà Nội.
8. Võ Văn Chi, 1991. *Cây thuốc An Giang*, Nxb. Ủy ban Khoa học – Kỹ thuật An Giang.

**ASSESSING THE STATUS, POTENTIAL EXPLOITATION AND
CONSERVATION OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN BAY NUI
AREAS, AN GIANG PROVINCE**

Le Thi Thu Suong, Vo Quang Minh, Phan Hoang Vu
SUMMARY

Bay Nui region, An Giang has a resource of medicinal plants which is very diverse with many different rare medicinal herbs. However, these resources are being depleted and not being used effectively. This study aims to assess generally the status of current pharmaceutical sources, and propose a conservation and rational exploitation of medicinal plants of the Bay Nui region. We identified 226 species of medicinal plants, belonging to 79 families, 3 divisions with their habitats, growth and medicinal uses. While 6 species of valuable medicinal plants are needed to be conserved. Besides, research showed that the actual use of local medicinal plants was not used highly effectively in comparison to the potential of the region. The other conservational measures and exploitations were also shown out in order to recommend the authorities for giving the plans and appropriated policies for the medicinal plants in Bay Nui region.